TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25/12/2024
V/v ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thành Tuấn;

2. Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành *tham gia phiên toà:* Bà Cao Thị Thu Hồng Em - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 300/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc *"Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 318/2024/QĐXX-ST ngày 18 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 298/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Phan Minh Hoàng A, sinh năm 1979; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ D, ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

SĐT: 0969698224

2. *Bị đơn:* Bà Tô Thị Út T, sinh năm 1985; (vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ D, ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn ông Phan Minh Hoàng A trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Tô Thị Út T xây dựng hôn nhân trên cơ sở mai mối, được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới năm 2003, đăng ký kết hôn tại

Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang năm 2004. Sau khi kết hôn, bà T về sống và làm dâu bên chồng. Năm 2005 thì ông và bà T cất nhà ra ở riêng, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2022 do không có việc làm nên ông qua Đài Loan làm thuê được 01 năm, sau đó về nước cho đến nay, hiện tại anh không đi nước ngoài nữa. Trong thời gian ông đi làm thuê, đến tháng 7/2024 thì vợ ông gửi đơn ra Tòa xin ly hôn, sau đó rút đơn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, do bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tình cảm, mạnh ai nấy sống… Vợ chồng ly thân từ tháng 7/2023 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn đoàn tụ, nên ông yêu cầu ly hôn với bà Út T.

- Về quan hệ con chung: có 03 con chung: Phan Minh H, sinh ngày 09/7/2004, Phan Thị Kim T1, sinh ngày 01/02/2008 và Phan Thị Kim N, sinh ngày 24/02/2017. Hiện em H và em T1 đang sống với ông, em N đang sống với bà Út T. Khi ly hôn, đối với em H do đã trưởng thành nên ông không yêu cầu giải quyết, đối với em Tuyền ông yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, đối với em N ông đồng ý giao cho bà Út T nuôi dưỡng. Ông không yêu cầu bà Út T cấp dưỡng nuôi em T1 và ông không cấp dưỡng nuôi em N cho bà Út T.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Toà án đã nhiều lần triệu tập bị đơn bà Tô Thị Út T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, cũng như tham gia phiên toà nhưng bà T đều vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Toà án đã tiến hành các thủ tục xác minh, lấy lời khai bị đơn tại nơi cư trú nhưng bà Út T không có mặt ở nhà khi cán bộ Toà án đến, nên Toà án không lấy được lời khai của bị đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng.

+ Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phan Minh Hoàng A. Về con chung: Đối với con chung Phan Minh H đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét. Để đảm bảo cuộc sống của hai con chung Phan Thị Kim T1 và Phan Thị Kim N được ổn định, không bị xáo trộn sau khi cha mẹ ly hôn, đề nghị giao con chung Kim T1 cho anh Hoàng A tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng, giao con chung Kim N cho chị Út T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị không đặt ra xem xét. Về án phí: ông Hoàng A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Phan Minh Hoàng A khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Tô Thị Út T và

yêu cầu nuôi con, bị đơn bà Tô Thị Út T hiện có nơi cư trú tại: tổ D, ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án về tranh chấp ly hôn, nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Ngày 10/12/2024, nguyên đơn ông Phan Minh Hoàng A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bị đơn bà Tô Thị Út T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Minh Hoàng A thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Theo nguyên đơn ông Hoàng A trình bày thì ông và bị đơn bà Út T do mai mối mới tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng đến tháng 7/2024 thì vợ ông gửi đơn ra Tòa xin ly hôn, sau đó rút đơn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo ông Hoàng A, do bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm nhau…. Hiện tại, ông và bà Út T đã không còn chung sống với nhau.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần mở phiên hoà giải nhằm tạo điều kiện để ông Hoàng A và bà Út T hàn gắn tình cảm, nhưng ông Hoàng A vẫn kiên quyết ly hôn, bà Út T được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cũng như không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, điều này chứng tỏ bà Út T không có nguyện vọng đoàn tụ với ông Hoàng A. Ông Hoàng A và bà Út T đã ly thân từ từ tháng 7/2023 đến nay, nhưng ông và bà vẫn không hàn gắn tình cảm lại được.

Tất cả điều này cho thấy hôn nhân của ông Hoàng A và bà Út T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân đã chấm dứt trên thực tế nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Hoàng A.

[2.2] Về quan hệ con chung: có 03 con chung: Phan Minh H, sinh ngày 09/7/2004, Phan Thị Kim T1, sinh ngày 01/02/2008 và Phan Thị Kim N, sinh ngày 24/02/2017. Hiện em H và em T1 đang sống với ông Hoàng A, em N đang sống với bà Út T. Xét thấy, con chung Phan Minh H đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Tại tờ trình bày ý kiến ngày 04/11/2024, em Phan Thị Kim T1 có nguyện vọng sống với cha nếu cha mẹ ly hôn. Xét thấy, em T1 đã sống ổn định với ông Hoàng A, bà Út T không có ý kiến được trực tiếp nuôi dưỡng em T1; đối với em Phan Thị Kim N đã sống ổn định với bà Út T, ông Hoàng A đồng ý giao em N cho bà Út T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của hai em được ổn định, không bị xáo trộn sau khi cha mẹ ly hôn nên căn cứ quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Hoàng A, giao em T1 cho ông Hoàng A tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng, giao em N cho bà Út T tiếp tục chăm sóc và

nuôi dưỡng. Ông Hoàng A phải tạo điều kiện thuận lợi cho bà Út T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc em T1, bà Út T phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông Hoàng A được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc em N, không ai cản trở khi ông Hoàng A và bà Út T thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng: Ông Hoàng A không yêu cầu bà Út T cấp dưỡng nuôi em T1; Mặc khác, bà Út T không có ý kiến về việc yêu cầu ông Hoàng A cấp dưỡng nuôi em N nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: theo ông Hoàng A trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Ông Hoàng A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004883 ngày 26/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Minh Hoàng A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Minh Hoàng A được ly hôn với bà Tô Thị Út T.

2. Về quan hệ con chung: có 03 con chung: Phan Minh H, sinh ngày 09/7/2004, Phan Thị Kim T1, sinh ngày 01/02/2008 và Phan Thị Kim N, sinh ngày 24/02/2017. Ông Phan Minh Hoàng A được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng

em Phan Thị Kim T1. Bà Tô Thị Út T được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng em Phan Thị Kim N.

Về cấp dưỡng: Ông Hoàng A không yêu cầu bà Út T cấp dưỡng nuôi em T1, bà Út T không có ý kiến về việc yêu cầu ông Hoàng A cấp dưỡng nuôi em N nên không đặt ra xem xét.

Ông Hoàng A cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà Út T thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục em Phan Thị Kim T1.

Bà Út T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Hoàng A thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục em Phan Thị Kim N.

Nếu người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người còn lại thì người còn lại có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng dựa trên các quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Ông Phan Minh Hoàng A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004883 ngày 26/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Phan Minh Hoàng A và bà Tô Thị Út T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Thành;
- Phòng KTNV& THA;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Kim Quyên

..... (29)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Toà án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: "Số:100/2017/DS-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: "Số:108/2017/HNGĐ-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: "Số:110/2017/KDTM-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: "Số:115/2017/LĐ-ST").

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà, bỏ dòng "Thẩm phán...", đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ "Toà án nhân dân" thành "Viện kiểm sát nhân dân".

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ "Trong các" (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi "Trong các ngày" (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi: "Từ ngày đến ngày" (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ "công khai" bằng từ "kín".

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi "DS"; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi "HNGĐ"; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi "KDTM"; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi "LĐ" (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: "văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...".

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [ ].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Toà án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)